

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI,
VIỆC LÀM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ /7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2,3,4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ	3	x	x
2	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				4	x	x

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2,3,4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I. TTHC cấp tỉnh, cấp huyện (Đã công bố tại Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 và Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)								
1	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ	4	x	x
2	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				4	x	x

3	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	<p>- 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép).</p> <p>- 08 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép)</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ	4	x	x
---	--	---	--	-------	---	---	---	---

4	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	- 34 ngày làm việc đối với đối tượng tiếp nhận vào cơ sở cấp tỉnh; - 27 ngày làm việc đối với đối tượng tiếp nhận vào cơ sở cấp huyện.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện; cấp xã; - Cơ sở trợ giúp xã hội.	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	3	x	x
5	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Cơ sở trợ giúp xã hội tiếp nhận ngay đối tượng và hoàn thiện thủ tục trong 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đối tượng	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện; cấp xã; - Cơ sở trợ giúp xã hội.			3	x	x
6	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	07 ngày làm việc	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện; cấp xã; - Cơ sở trợ giúp xã hội			3	x	x
II. TTHC cấp huyện								

- Đã công bố tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc				3	x	x
2	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	3	x	x
3	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	08 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp xã nơi đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng				3	x	x

- Đã công bố tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh

4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/ NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	3	x	x
5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị				3	x	x
6	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc				3	x	x
7	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch UBND cấp huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã)				3	x	x
III. TTHC cấp xã (Đã công bố tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)								
	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc đối với Chủ tịch UBND cấp xã	UBND cấp xã hoặc các cơ quan hành chính cấp trên	Không	Nghị định số 20/2021/ NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	3	x	x

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. TTHC cấp tỉnh (Đã công bố tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	Loại bỏ khỏi danh mục công bố TTHC vì được thực hiện giữa đối tượng và Cơ sở trợ giúp xã hội (không có vai trò của cơ quan hành chính nhà nước)
II. TTHC cấp huyện (Đã công bố tại Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Nghị định số 20/2021/ NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	Thay thế bằng TTHC tại số thứ tự 1, Phần A Mục, Danh mục của Quyết định này
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		
3	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		Loại bỏ khỏi danh mục công bố TTHC vì được thực hiện giữa đối tượng và Cơ sở trợ giúp xã hội (không có vai trò của CQ hành chính nhà nước)
4	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		
III. TTHC cấp xã (Đã công bố tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
	Thủ tục trợ giúp đột xuất hỗ trợ lương thực	Nghị định số 20/2021/ NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	Thủ tục này không liên quan đến người dân, mà do cấp thôn, cấp xã thực hiện